CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số : TP-15/Miwon/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Miwon Việt Nam

Địa chỉ: Phố Sông Thao, Phường Thọ Sơn, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 02103 848 717~9 Fax: 02103 848 721

E-mail: ngocduc0609@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 2600109933

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm: Wasabi paste – Mù tạt**
2. **Thành phần:** Bột mù tạt 19%, nước, chất tạo ngọt D-sorbitol (E420), bột gạo, dầu bắp, đường, muối, axit citric (E330), dầu mù tạt 0.72%, hỗn hợp muối phosphate {Sodium Pyrophosphate (E450iii), disodium dihydrogen pyrophosphate (E450i), sodium metaphosphate (E339), sodium polyphosphate: E450c(i)}, phụ gia tạo màu tự nhiên (tinh chất hoa dành dành, hồng hoa), hỗn hợp chất nhũ hóa (nước, glycerin esters of fatty acids (E471), ethanol), tinh chất ớt chuông tự nhiên, giấm.
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:**
   Hạn sử dụng (HSD): In trên bao bì của sản phẩm theo thứ tự (năm/ tháng/ ngày)
   Ngày sản xuất (NSX): trước HSD 12 tháng
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì**:
   *Chất liệu bao bì: Dạng tuýp PE, nắp nhựa PP, bên ngoài là hộp giấy
   Chất liệu bao bì đảm bảo phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
   * Quy cách đóng gói: 35 g, 95 g
5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm** :
   Xuất xứ: Hàn Quốc
   Sản phẩm của: DAESANG CORPORATION
   Địa chỉ: 26, Cheonhodae-ro, Dongdaemun-gu, Seoul, Hàn Quốc
   Sản xuất tại: Tập đoàn Daesang – nhà máy Cheonan
   Địa chỉ: 51, 2Gongdan 5-ro, Seobuk-gu, Cheonan-Si, Chungcheongnam-Do, Hàn Quốc
   Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và phân phối
   Công ty TNHH Miwon Việt Nam
   Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
   Điện thoại: 84.02103.848.717/ 024 3768 0563

Fax: 84.02103848721

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1 Các chỉ tiêu cảm quan

STT	Tên chỉ tiêu	Chi tiết
1	Tên sản phẩm	**Wasabi paste – Mù tạt**
2	Trạng thái	Dạng sệt
3	Màu sắc	Xanh
4	Mùi, vị	Cay nồng

1.2 Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu *(là yêu cầu kỹ thuật của nhà sản xuất)*

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	pH	-	3.96 ~ 4.84
2	Năng lượng	kcal/100g	290.52 ~ 355.08
3	Carbohydrate	g/100g	38.52 ~ 47.08
4	Đường	g/100g	9.45 ~ 11.55
5	Protein	g/100g	3.06 ~ 3.74
6	Chất béo	g/100g	14.76 ~ 18.04
7	Natri	mg/100g	1078.83 ~ 1318.57

1.3 Các chỉ tiêu vi sinh vật *(Theo quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế) Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm*

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	10^4
2	Coliforms	CFU/g	10^2
3	E. Coli	MPN/g	3
4	S.aureus	CFU/g	10^2
5	Salmonella	CFU/25g	0
6	TSBTNM-M	CFU/g	10^2

1.4. Hàm lượng kim loại nặng *(QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)*

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	5
2	Cadimi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	2
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05

Dư lượng thuốc thú y và hóa chất bảo vệ thực vật tuân thủ tiêu chuẩn ban hành theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế Việt Nam

1.5 Hàm lượng hóa chất không mong muốn *(Theo quyết định 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế) Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm)*

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	5
2	Total Aflatoxin	µg/kg	15

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Bột mù tạt 19%, nước, chất tạo ngọt D-sorbitol (E420), bột gạo, dầu bắp, đường, muối, axit citric (E330), dầu mù tạt 0.72%, hỗn hợp muối phosphate {Sodium Pyrophosphate (E450iii), disodium dihydrogen pyrophosphate (E450i), sodium metaphosphate (E339), sodium polyphosphate: E450c(i)}, phụ gia tạo màu tự nhiên (tinh chất hoa dành dành, hồng hoa), hỗn hợp chất nhũ hóa (nước, glycerin esters of fatty acids (E471), ethanol), tinh chất ớt chuông tự nhiên, giấm.

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

Hạn sử dụng (HSD): In trên bao bì của sản phẩm theo thứ tự (năm/ tháng/ ngày)
Ngày sản xuất (NSX): trước HSD 12 tháng

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

***Hướng dẫn sử dụng**:
Sử dụng để chấm các món hải sản, ăn kèm cá sống và các món khác.
Vị cay nồng đặc trưng làm cho món ăn thêm ngon hơn.
***Hướng dẫn bảo quản:**
Bảo quản nơi khô ráo, tránh ánh nắng mặt trời.
Sau khi sử dụng đậy nắp & bảo quản trong tủ lạnh.
***Khuyến cáo:** Sản phẩm sản xuất trên cùng một dây chuyền với các sản phẩm có chứa đậu nành, bột mỳ.

5. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

*** Chất liệu bao bì:** Dạng tuýp PE, nắp nhựa PP, bên ngoài là hộp giấy
Chất liệu bao bì đảm bảo phù hợp an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế

*** Quy cách đóng gói**: Khối lượng tịnh: 35 g, 95 g

6. NỘI DUNG GHI NHÃN: Xem trực tiếp trên nhãn sản phẩm

7.XUẤT XỨ, THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA

Xuất xứ: Hàn Quốc
Sản phẩm của: DAESANG CORPORATION
Địa chỉ: 26, Cheonhodae-ro, Dongdaemun-gu, Seoul, Hàn Quốc
Sản xuất tại: Tập đoàn Daesang – nhà máy Cheonan
Địa chỉ: 51, 2Gongdan 5-ro, Seobuk-gu, Cheonan-Si, Chungcheongnam-Do, Hàn Quốc
Thương nhân chịu trách nhiệm nhập khẩu và phân phối
Công ty TNHH Miwon Việt Nam
Địa chỉ: Phố Sông Thao, phường Thọ Sơn, Thành Phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Điện thoại: 84.02103.848.717/ 024 3768 0563
Fax: 84.02103848721

Công ty Miwon Việt Nam kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo :

Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế) Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14/04/2017: quy định nội dung trên nhãn hàng hóa, cách ghi nhãn hàng hóa lưu thông tại Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Việt Trì ngày 17 tháng 04 năm 2020
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N:2600109933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM
TP.VIỆT TRÌ-T.PHÚ THỌ

TỔNG GIÁM ĐỐC
SHIN SANG HO

M.S.D.N:2600109933-C.T.T.N.H
CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM
TP. VIỆT TRÌ T. PHÚ THỌ

Hộp giấy 35g (Nhãn trung gian)

CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM

Tuýp 35g (nhãn chính)

M.S.D.N:2600109933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MIWON VIỆT NAM
T.P VIỆT TRÌ T. PHÚ THỌ

Hộp giấy 95g (nhãn trung gian)

(Nhãn trung gian)

[redacted]

M.S.D.N:2600109933-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH MIWON VIETNAM
TP. VIỆT TRÌ - T. PHÚ THỌ

Tuýp 95g (nhãn chính)

Tuýp 95g (nhãn chính)

DAESANG

DAESANG CORPORATION

▣ Head Office : 26, Cheonhodae-Ro, Dongdaemun-Gu,
Seoul, Korea
Tel. 82-2-2220-9606
Fax. 82-2-2220-9849
Web Site : http://www.edaesang.com

CERTIFICATE OF PRODUCT INGREDIENTS

TO : Whom it may concern

This is to certify that the following product is manufacturing and selling for human consumption under the recognition and supervision of the Food Sanitation Act of the Republic of Korea.

NAME OF PRODUCTS	INGREDIENTS	%
Wasabi paste	Horseradish powder/China	19.000
	Water	24.710
	D-Sorbitol	18.000
	Rice powder/Korea	17.000
	Corn oil	12.000
	Sugar	4.000
	Salt	2.700
	Citric acid	0.750
	Mustard oil	0.720
	Mixed phosphate	0.500
	Sodium Pyrophosphate	
	Disodium Dihydrogen Pyrophosphate	
	Sodium Metaphosphate	
	Sodium polyphosphate	
	Natural additives	0.350
	Gardenia blue	
	Safflower yellow	
	Emulsifier	0.200
	Water	
	Glycerin Esters of Fatty Acids	
	Ethanol	
	Oleoresin capsicum(Natural)	0.060
	Vinegar	0.010
	Total	**100.000**

* **Manufacturer** : **DAESANG CORP.(CHEONAN PLANT)**
* **Address** : **54-1, Chaam-Dong, Seobuk-Gu, Cheonan-Si, Chungcheongna-Do, Korea**
* **Representative** : **Mr. MYUNG HYUNGSUP**
* **Packing Unit** : **35g, 95g**

DAESANG CORPORATION
H. S. Myung
President H. S. MYUNG

DAESANG

DAESANG CORPORATION
26, CHEONHODAE-RO, DONGDAEMUN-GU,
SEOUL, 130-706, KOREA
Tel : 82-2-2220-9607
Fax : 82-2-2220-9849

CERTIFICATE OF ANALYSIS

COMMODITY : WASABI PASTE
PURPOSE OF ANALYSIS : EXPORT
TEST DATE : JAN. 07. 2020

RESULT OF TEST

ITEMS (UNIT)	STANDARD SPECIFICATION	ANALYTICAL DATA
Appearance	Have a typical taste & flavor and not detected an alien substance.	No other or taste excluded own color and oder
Moisture(%)	Negative	Negative
Salt(%)	2.9±0.2	2.98
Ph(%)	3.7±0.2	3.75
Brix(%)	51.0±2.0	51.3
Foreign materials	Not detected	Not detected
Tar color	Not detected	Not detected
Aflatoxin (μg/kg)	≤15	Not detected
As (mg/kg)	Less than 5.0 ppm	0.0247mg/kg
Pb (mg/kg)	Less than 2.0 ppm	0.0164mg/kg
Hg (mg/kg)	Less than 0.05 ppm	Not detected
Cadmium (Cd) (mg/kg)	Less than 1.0 ppm	0.0350mg/kg
Total Aflatoxin	Less than 10 μg/kg	Not detected
Total bacteria count (CFU/g)	$1.0\times10^4\downarrow$	5.9×10^3
Coliforms (CFU/g)	10^2	Negative
E.Coli (CFU/g)	3	Negative
yeast & Mold (CFU/g)	10^2	Negative
Salmonella (CFU/25g or CFU/25ml)	Negative	Negative
S.aureus (CFU/g)	10^2	Negative

ITEMS (UNIT)	NUTRITIONAL ANALYSIS(Per 100g)
Energy (Kcal)	332.8
Carbohydrate (g)	42.8
Sugar (g)	10.5
Protein (g)	3.4
Fat (g)	16.4
Sodium (mg)	1198.7

*** MANUFACTURER** : Daesang Cheonan Factory Factory Co.,Ltd.
*** ADDRESS** : 54-1, Chaam-Dong, Seobuk-Gu, Cheonan-Si, Chungcheongna-Do, Korea
*** REPRESENTATIVE** : Mr. LIM. J. B.
*** PACKING UNIT** : 35g, 95g

DAESANG CORPORATION
JUNG BAE Lim
President J. B. LIM